

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ANB VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT ANB VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM ANB ENGINEERING
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ANB VIET NAM CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108331208

3. Ngày thành lập: 19/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 28 ngách 96 ngõ Lan Bá, đường Lan Bá, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936110826

Fax:

Email: buihaianh1@gmail.com

Website: www.anbco.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
2.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá);	7310
3.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
4.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
5.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4530
7.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
8.	Khai thác và thu gom than non	0520
9.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
10.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	2023
11.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
15.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
16.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162

17.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
19.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
20.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
21.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
22.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
23.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
24.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
25.	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ hóa chất bảo vệ thực vật, hóa chất y tế và hóa chất Nhà nước cấm)	2011
26.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ các hoạt động Nhà nước cấm)	9000
27.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
28.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
29.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
30.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
31.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4511
32.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4541
33.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
34.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
35.	Phá dỡ	4311
36.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
37.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động đầu giá)	4543
38.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
39.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
40.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
41.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
42.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
43.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
44.	Tái chế phế liệu	3830
45.	Xây dựng nhà các loại	4100
46.	Bán buôn đồ uống	4633

47.	Hoạt động truyền hình (trừ sản xuất phim điện ảnh, phim video);	6021
48.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
49.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
50.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
51.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
52.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
54.	Đại lý du lịch	7911
55.	Đại lý, môi giới, đấu giá - Đại lý	4610
56.	Điều hành tua du lịch	7912
57.	Cho thuê xe có động cơ	7710
58.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
59.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
60.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
61.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
62.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
63.	Cổng thông tin (Không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
64.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
65.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
66.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
67.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
68.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
69.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
70.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
71.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
72.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
73.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
74.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
75.	Xây dựng công trình công ích	4220
76.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
77.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161

78.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)	3240
79.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
80.	Hoạt động tư vấn quản lý - Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	7020(Chính)
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
82.	Lập trình máy vi tính	6201
83.	In ấn (trừ các loại nhà nước cấm);	1811
84.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
85.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
86.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
87.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
88.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
90.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
91.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
92.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
93.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
94.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
95.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
96.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
97.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
98.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
99.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu - Sản xuất thực phẩm chức năng	1079
100.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng	4632
101.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4513
102.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
103.	Bán buôn tổng hợp	4690

104.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
105.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
106.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
107.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
108.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng	4722
109.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
110.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
111.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
112.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
113.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
114.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
115.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);	7830
116.	Hoạt động hậu kỳ	5912
117.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
118.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
119.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
120.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
121.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: BÙI THỊ HẢI ANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 19/07/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001182006720

Ngày cấp: 23/03/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tập Thể trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, đường Tây Tựu, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tập Thể trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, đường Tây Tựu, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI THỊ HẢI ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/07/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001182006720

Ngày cấp: 23/03/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tập Thể trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, đường Tây Tựu, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tập Thể trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, đường Tây Tựu, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội